TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/5/2019
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đào Anh Đức
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hà
2. Bà Trương Thị Hồng Xuân

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa *tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Hiên - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019 về: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H; Sinh năm: 1991
Địa chỉ: Thôn Tự Cường, xã Thành Minh, huyện Thạch Thành, Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Trương Văn D; Sinh năm: 1987
Địa chỉ: Thôn Tự Cường, xã Thành Minh, huyện Thạch Thành, Thanh Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt chị H và anh D. Chị Hạnh có đơn xin xét xử vắng mặt; anh D vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/02/2019 và bản tự khai ngày 01/3/2019 chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trương Văn D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/5/2009 tại Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) xã Thành Minh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nhưng đến năm 2017 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ và đã có lần dẫn đến đánh đập. Ngoài ra, anh D còn chơi bời bài bạc không quan tâm gì đến vợ con. Chị khuyên can nhiều lần nhưng anh D vẫn không

thay đổi được tính nết. Không chịu đựng được cuộc sống nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ từ cuối năm 2017 và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con cái: Vợ chồng có một con chung là Trương Chí K, sinh ngày 30/11/2009. Hiện nay cháu đang ở với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 700.000đ cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04/3/2019 anh Trương Văn D trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/5/2009 tại UBND xã Thành Minh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị H đi làm ăn xa nên tình cảm vợ chồng phai nhạt, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị H tự ý bỏ về nhà ở với bố mẹ đẻ từ cuối năm 2017 đến nay và vợ chồng ly thân từ đó, không còn qua lại, quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh không đồng ý mà muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dậy con cái.

Về con cái: Anh và chị Nguyễn Thị H có một con chung là cháu Trương Chí K, sinh ngày 30/11/2009. Nếu chị H nhất quyết yêu cầu ly hôn, anh cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện tại, anh có mức thu nhập khoảng 6.000.000đ (Sáu triệu đồng)/tháng nên anh có đủ điều kiện để nuôi con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Bị đơn đã không tuân thủ các quy định của BLTTDS. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trương Văn D; Về con cái: Giao con chung là cháu Trương Chí K, sinh ngày 30/11/2009 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng là 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, các quy định của pháp luật, HĐXX nhận định:

[1]. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng Viện kiểm sát được biết.

[2]. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh D không có mặt nên tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh D theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Anh D đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh D đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa hôm nay, chị H vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt chị H và anh D.

[5]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trương Văn D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/5/2009 tại UBND xã Thành Minh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các Điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, như vậy là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nhưng đến năm 2017 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ và đã có lần dẫn đến đánh đập. Chị H đã về nhà bố mẹ đẻ từ năm 2017 đến nay và vợ chồng sống ly thân từ đó không còn qua lại, quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này đã được các cấp chính quyền xã Thành Minh xác nhận và cũng phù hợp với nội dung mà tòa án tiến hành xác minh tại địa phương. Mặc dù anh D yêu cầu được đoàn tụ nhưng chị H nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh D. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trương Văn D.

[6]. Về con cái: Chị Nguyễn Thị H và anh Trương Văn D có một con chung là Trương Chí K, sinh ngày 30/11/2009. Ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con và và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 700.000đ. Nếu ly hôn, anh D cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Xét thấy, bản thân cháu K có nguyện vọng được ở với mẹ. Mặt khác, từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu luôn ở với mẹ. Để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày của cháu, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng là 700.000đ cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

[7]. Về tài sản: Chị H không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị H và anh D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a

khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trương Văn D.

Về con cái: Giao con chung là cháu Trương Chí K, sinh ngày 30/11/2009 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng là 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 5 năm 2019 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Anh D có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ khi chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng anh D còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST mà chị H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số AA/2016/0003550 ngày 18/02/2019, chị H đã nộp đủ tiền án phí. Anh D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Nguyễn Thị H và anh Trương Văn D. Chị H và anh D có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Thành Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Anh Đức